

VAI TRÒ CỦA SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP ĐỐI VỚI CÁC HỘ DÂN VÙNG NGOẠI THÀNH HÀ NỘI: NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH Ở THỊ TRẤN TRÂU QUỲ - HUYỆN GIA LÂM

Nguyễn Phương Lê*, Lê Văn Tân

Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội

Email: nguyenvphuongle@hua.edu.vn*

Ngày gửi bài: 05.08.2013

Ngày chấp nhận: 12.11.2013

TÓM TẮT

Đô thị hóa là điều không thể tránh khỏi trong quá trình phát triển. Thực tế trong những năm gần đây, đô thị hóa diễn ra ở Việt Nam với quy mô ngày càng lớn và tốc độ ngày càng nhanh. Điều đó đã khiến cho đất nông nghiệp bị thu hẹp, gây ảnh hưởng vừa tích cực vừa tiêu cực đến việc làm và sinh kế của người nông dân ven đô. Tuy nhiên, những ảnh hưởng tiêu cực như mất đất nông nghiệp, thiếu việc làm, mất an ninh lương thực thường được các nhà hoạch định chính sách cũng như các nhà nghiên cứu đề cập tới nhiều hơn. Theo nhiều nhà nghiên cứu việc duy trì và phát triển nông nghiệp ven đô sẽ phần nào hạn chế được những tác động tiêu cực của đô thị hóa. Bằng các phương pháp nghiên cứu định lượng kết hợp với định tính, nghiên cứu này đã chỉ ra rằng nông nghiệp đóng vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế cũng như xã hội của các hộ dân ở thị trấn Trâu Quỳ. Về kinh tế, nông nghiệp góp phần làm đa dạng hóa nguồn thu nhập của hộ, bảo đảm an ninh lương thực, an toàn vệ sinh thực phẩm và tạo việc làm cho lao động nông thôn, đặc biệt là những người không có điều kiện để chuyển đổi nghề nghiệp như không có vốn, trình độ chuyên môn và tay nghề thấp, người đã quá tuổi tuyển dụng vào các nhà máy công nghiệp và phụ nữ. Về xã hội, an ninh tài sản đất, an ninh sinh kế và gìn giữ các mối quan hệ cộng đồng truyền thống được xem là vai trò xã hội không nhỏ của nông nghiệp ngoại thành.

Từ khóa: Hộ gia đình, kinh tế, nông nghiệp ngoại thành, vai trò, xã hội.

Roles of Agricultural Production for Households in Peri-urban Areas: Case Study in Trau Quy Town, Gia Lam District, Hanoi

ABSTRACT

Urbanization is an inevitable process in socio-economic development. In Vietnam, urbanization has been happening with bigger scale and higher speed. Urbanization has impacted on peri-urban livelihood strategies both positively and negatively. However, negative influences, particularly the reduction of farmland, unemployment and food insecurity, have been more concerned by researchers and policy-makers. According to several researchers, maintenance and development of peri-urban agriculture is one of the solutions to reduce negative impacts. Based on a combination of quantitative and qualitative research methods, this study shows that agriculture plays important roles in socio-economic lives of households in Trau Quy town. For economic aspect, agriculture contributes to households' income, food security and safety, and generates job opportunities for family labours, especially for those who could not find new off-farm jobs in labour market. With regard to social roles, farmland property, livelihood security, and maintenance of traditional community relationship are considered as significant roles of suburb agriculture.

Keywords: Economic, household, peri-urban agriculture, role, social.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những thập kỷ gần đây, đô thị hóa trở thành một hiện tượng phổ biến ở các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam. Dưới tác

động của quá trình đô thị hóa, nền kinh tế nông thôn đã có những sự chuyển dịch rõ rệt, trong đó các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp ngày càng chiếm ưu thế. Rigg (2001, 2002) và Elson (1997) đã chỉ ra rằng sinh kế của người dân

nông thôn đang chuyển dần từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp. Các học giả này cũng cho rằng sự chuyển dịch sinh kế nông thôn theo hướng phi nông nghiệp không chỉ do sự suy giảm của diện tích đất nông nghiệp mà còn do sự đa dạng của những cơ hội việc làm phi nông nghiệp. Hơn nữa, Rigg (2005) còn khẳng định rằng nông nghiệp ngày càng bị coi là chiến lược sinh kế phụ và thấp kém hơn so với các chiến lược phi nông nghiệp. Do đó, nông nghiệp trở thành hoạt động kinh tế không hấp dẫn đối với lực lượng lao động trẻ. Kết quả ngày càng có nhiều người lao động nông thôn từ bỏ nông nghiệp, sống dựa vào các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp. Tuy nhiên, thực tế ở vùng đồng bằng sông Hồng cho thấy các chiến lược sinh kế nông nghiệp và phi nông nghiệp đã, đang và sẽ tồn tại đồng thời trong một cộng đồng, thậm chí trong bản thân một hộ gia đình. Mặc dù ở nhiều địa phương vùng ven các đô thị lớn như Hà Nội, thu nhập của người dân chủ yếu được tạo ra từ các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp, song nhiều hộ dân vẫn duy trì sản xuất nông nghiệp vì những lý do khác nhau. Nghiên cứu của Nugent (2000) ở 17 thành phố lớn trên thế giới, trong đó có thành phố Hồ Chí Minh đã cho thấy người dân vùng ven các đô thị lớn quyết định duy trì sản xuất nông nghiệp vì những lý do chủ yếu như (1) phục vụ nhu cầu tiêu dùng của gia đình; (2) đa dạng hóa nguồn thu nhập; (3) tránh rủi ro về kinh tế; (4) đối phó với tình trạng tăng giá lương thực - thực phẩm trên thị trường; (5) tạo thêm việc làm cho lao động gia đình; (6) bảo đảm an ninh sinh kế cũng như an ninh tài sản đất. Ngoài ra, Phạm Sỹ Liêm (2009) cho rằng, nông nghiệp ven đô không chỉ đóng vai trò về kinh tế mà còn đóng vai trò xã hội và môi trường.

Trâu Quỳ là thị trấn của huyện Gia Lâm nằm ở phía Đông của thủ đô Hà Nội. Thị trấn Trâu Quỳ có 12 tổ dân phố với tổng diện tích là 734,28ha và tổng số dân trên 2,5 vạn người. Quá trình đô thị hóa đã có tác động to lớn đến chiến lược sinh kế của người dân, khiến cho đời sống của họ có nhiều thay đổi. Thu nhập của đại bộ phận cư dân ở thị trấn chủ yếu từ thương mại, dịch vụ và tiền lương. Tuy nhiên, nhiều hộ dân ở thị trấn vẫn duy trì sản xuất nông nghiệp

với các quy mô khác nhau và vì những lý do khác nhau. Bài viết này sẽ đi sâu phân tích vai trò của nông nghiệp đối với các hộ dân ở thị trấn Trâu Quỳ trên các khía cạnh kinh tế và xã hội-văn hóa, cụ thể là đóng góp về thu nhập, an ninh lương thực, tạo việc làm, an ninh sinh kế, an ninh tài sản đất, và duy trì các mối quan hệ cộng đồng truyền thống.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Chọn điểm nghiên cứu

Thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội được chọn làm điểm nghiên cứu vì những lý do sau: (1) Quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ trong những năm gần đây đã có ảnh hưởng lớn tới sản xuất và đời sống của các hộ dân ở thị trấn; (2) Chiến lược sinh kế của người dân đang chuyển dần từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp, song vẫn còn 28% số hộ sống dựa vào nông nghiệp và 18,5% số hộ duy trì sản xuất nông nghiệp như một nguồn thu nhập phụ trợ. Câu hỏi đặt ra là nông nghiệp đóng vai trò như thế nào trong chiến lược sinh kế của người dân, người dân duy trì sản xuất nông nghiệp vì lý do gì?

2.2. Thu thập thông tin

Thông tin thứ cấp về tình hình cơ bản của thị trấn Trâu Quỳ được thu thập thông qua các báo cáo của các cơ quan chức năng huyện Gia Lâm và thị trấn Trâu Quỳ. Thông tin sơ cấp về vai trò của sản xuất nông nghiệp đối với các hộ dân được thu thập thông qua phương pháp phỏng vấn dựa trên bản câu hỏi bán cấu trúc, quan sát có sự tham gia, thảo luận nhóm và ghi chép câu chuyện đường đời. Tổng số 40 hộ gia đình ở 2 tổ dân phố Đào Nguyên và Kiên Thành đã được lựa chọn phỏng vấn, trong đó 10 hộ (25%) có chiến lược sinh kế dựa vào nông nghiệp (sau đây gọi là hộ nông nghiệp hay hộ NN), 17 hộ (42,5%) có chiến lược sinh kế kết hợp nông nghiệp ngành nghề (sau đây gọi là hộ kiêm) và 13 hộ (32,5%) có chiến lược sinh kế dựa vào kinh doanh dịch vụ (sau đây gọi là hộ dịch vụ hay hộ DV). Tổ dân phố Đào Nguyên gần trường Đại

học Nông nghiệp Hà Nội, phần lớn hộ dân ở đây có phòng trọ cho sinh viên thuê, sản xuất nông nghiệp chỉ tồn tại ở mức tự cung lương thực cho gia đình và “giữ đất”, trong khi đó ở tổ dân phố Kiên Thành, sản xuất nông nghiệp vẫn được coi là chiến lược sinh kế quan trọng bên cạnh các hoạt động sản xuất phi nông nghiệp khác.

2.3. Phương pháp phân tích

Thông tin thu thập được phân tích chủ yếu dựa trên phương pháp thống kê kinh tế và phân tích ý nghĩa của các câu chuyện tình huống với hệ thống chỉ tiêu phản ánh vai trò của nông nghiệp đối với thu nhập, bảo đảm an ninh lương thực, bảo đảm an ninh sinh kế, duy trì quyền sở hữu tài sản và tạo việc làm cho lao động gia đình.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thông tin khái quát về đối tượng nghiên cứu

Đất nông nghiệp bình quân của hộ điều tra thấp, khoảng 1.710 m²/hộ, nguyên nhân do những năm gần đây chính quyền thị trấn đã thu hồi một phần đất nông nghiệp để xây dựng nhà ở, các công trình xã hội hoặc chuyển sang hình thức sản xuất kinh doanh khác. Đất nông nghiệp của hộ chủ yếu được sử dụng vào trồng lúa, cây hoa màu, trồng cây giống, một số loại cây lâu năm, xây dựng chuồng trại chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản.

Đất thổ cư bình quân chung của hộ cũng rất hẹp, chỉ có 245,8 m²/hộ diện tích này hẹp hơn

nhiều so với những địa phương khác trong vùng. Nguyên nhân chủ yếu do trong những năm gần đây đã có hàng ngàn hộ gia đình từ nơi khác đến mua đất, xây dựng nhà cửa và định cư tại các tổ dân phố của thị trấn với nhiều lý do khác nhau. Điều này đã làm cho số hộ của thị trấn tăng lên, đồng thời đất thổ cư của nhiều hộ giảm xuống đáng kể do bán đất. Phần lớn các hộ chỉ dành một phần nhỏ đất thổ cư để xây nhà ở, phần còn lại dùng vào việc đầu tư phát triển các cơ sở dịch vụ và nhà trọ cho sinh viên trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội thuê.

Tại thời điểm điều tra, quy mô vốn của các hộ dân có sự chênh lệch khá lớn. Mức vốn bình quân của hộ ở Đào Nguyên là 216,75 triệu đồng, cao hơn so với mức 197 triệu đồng/hộ ở Kiên Thành. Ở cả 2 tổ dân phố, các hộ đều kinh doanh dựa vào nguồn vốn tự có là chính. Vốn tự có bình quân của hộ ở Đào Nguyên là 182,25 triệu (chiếm 84,08%) trong khi đó ở Kiên Thành, vốn tự có là 149 triệu đồng/hộ (chiếm 75,63%). Tỷ lệ vốn vay của hộ ở Kiên Thành cao hơn ở Đào Nguyên, nguyên nhân của sự khác biệt này xuất phát từ chiến lược sinh kế của hộ.

Xét theo chiến lược sinh kế của hộ, nhóm hộ sống dựa vào nông nghiệp có quy mô vốn nhỏ nhất, tiếp đến là nhóm hộ kiêm và cao nhất là nhóm hộ kinh doanh dịch vụ. Quy mô vốn bình quân của một hộ có chiến lược sinh kế dựa vào nông nghiệp ở Đào Nguyên là 43,3 triệu thấp hơn với 48,6 triệu của các hộ cùng nhóm ở Kiên Thành, trong khi đó, nhóm hộ kiêm ở Đào Nguyên có tổng số vốn cao gấp 3 lần so với

Bảng 1. Tình hình đất đai, lao động và vốn của hộ

Diễn giải	Đơn vị tính	Đào Nguyên				Kiên Thành			
		Hộ NN	Hộ kiêm	Hộ DV	Bình quân	Hộ NN	Hộ kiêm	Hộ DV	Bình quân
1. Nhân khẩu	Người/hộ	4,3	4,2	4,2	4,2	4,4	4,2	4,1	4,2
2. Lao động	Người/hộ	1,9	1,8	1,8	1,8	2,0	1,8	1,9	1,8
3. Đất nông nghiệp	m ² /hộ	1500	1440	0	1089	1800	1550	0	1635
4. Đất thổ cư	m ² /hộ	289,1	207,8	178,5	212,7	309,5	215,3	210,7	276,3
5. Đất dịch vụ	m ² /hộ	0	150,9	60,5	105,7	0	16,8	20,7	12,5
6. Vốn	Trđ/hộ	43,3	183,8	400,0	216,75	48,6	60,0	412,5	197,0

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra, 2013

nhóm hộ cùng loại ở Kiên Thành. Lý giải cho sự khác biệt lớn này là ở Đào Nguyên các hộ kiêm chủ yếu là cho thuê phòng trọ và tổ chức sản xuất - kinh doanh, trong khi đó ở Kiên Thành các hộ kiêm vẫn sản xuất nông nghiệp và chỉ có ít hộ có phòng trọ cho thuê cộng với kinh doanh nhỏ lẻ. Nhóm hộ kinh doanh dịch vụ ở 2 tổ dân phố có mức vốn đầu tư tương đương nhau. Có thể nói điều kiện đất đai, lao động và vốn của hộ ở cả 2 tổ dân phố là rất phù hợp cho phát triển chiến lược sinh kế mang tính chất đa dạng

3.2. Vai trò kinh tế của nông nghiệp đối với hộ

Nghiên cứu vai trò của nông nghiệp đối với hộ mà chỉ đề cập đến thu nhập bằng tiền từ nông nghiệp là không đầy đủ mà cần phải xem xét đến những đóng góp bằng hiện vật như khả năng bảo đảm lương thực - thực phẩm cho nhu cầu tiêu dùng của hộ và tạo cơ hội việc làm cho lao động gia đình. Trong nghiên cứu này vai trò kinh tế của nông nghiệp đối với hộ trong bối cảnh đô thị hóa được xem xét trên 3 khía cạnh, gồm: đa dạng hóa nguồn thu nhập, an ninh lương thực và an toàn thực phẩm, tạo việc làm cho lao động gia đình.

3.2.1. Đa dạng hóa nguồn thu nhập

Kết quả điều tra cho thấy thu nhập từ sản xuất nông nghiệp chỉ còn chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng thu nhập của hộ, các nguồn thu khác như ngành nghề, thương mại, dịch vụ, tiền công

từ làm công nhân, làm thuê... chiếm tỷ trọng cao hơn. Thu nhập bình quân/hộ ở tổ dân phố Đào Nguyên cao hơn nhiều so với Kiên Thành, song cơ cấu thu nhập của hộ ở 2 tổ dân phố tương tự nhau, thu nhập từ thương mại - dịch vụ đặc biệt là dịch vụ cho thuê phòng trọ chiếm phần lớn thu nhập của hộ, ở cả 2 tổ dân phố đều trên 80% trong khi đó thu nhập từ nông nghiệp chỉ còn chiếm từ 7 đến 8% (Bảng 2).

Xem xét theo từng nhóm hộ cho thấy các hộ thương mại - dịch vụ có mức thu nhập cao nhất sau đó là tới hộ kiêm và thấp nhất là hộ nông nghiệp. Hộ nông nghiệp có tổng thu nhập là 18,13 triệu đồng trong đó thu từ sản xuất nông nghiệp chiếm 81,8%, thu từ các hoạt động khác là 3,3 triệu chiếm 18,2%. Hộ kiêm có mức thu nhập bình quân là 95,15 triệu, trong đó thu từ nông nghiệp chiếm 9,50%, thu từ thương mại - dịch vụ chiếm 85,50% và thu từ các hoạt động khác chiếm 5,00%. Hộ thương mại - dịch vụ có mức thu nhập bình quân cao nhất là 175,08 triệu đồng/năm, trong đó thu từ các hoạt động thương mại - dịch vụ chiếm 94,5%, thu từ các hoạt động khác chiếm 5,50%. Điều này cho thấy, hoạt động thương mại - dịch vụ ở thị trấn khá phát triển, nó mang lại nguồn thu nhập lớn cho tất cả các nhóm hộ.

Thu nhập từ nông nghiệp của các hộ ở thị trấn Trâu Quỳ chủ yếu là từ lúa, một số cây hoa màu ngắn ngày, cây giống và chăn nuôi (Bảng 3).

Bảng 2. Thu nhập và cơ cấu thu nhập của hộ (tính bình quân 1 hộ)

Chỉ tiêu	Thu từ nông nghiệp		Thu từ thương mại - dịch vụ		Thu khác		Tổng	
	Giá trị (triệu đồng)	Cơ cấu (%)	Giá trị (triệu đồng)	Cơ cấu (%)	Giá trị (triệu đồng)	Cơ cấu (%)	Giá trị (triệu đồng)	Cơ cấu (%)
1.Theo tổ dân phố								
- Đào Nguyên	8,34	6,55	113,54	89,20	5,40	4,24	127,28	100
- Kiên Thành	6,76	8,84	63,18	82,60	6,55	8,56	76,49	100
2.Theo nhóm hộ								
- Hộ nông nghiệp	14,83	81,80	0		3,30	18,20	18,13	100
- Hộ kiêm	9,04	9,50	81,35	85,50	4,76	5,00	95,15	100
- Hộ dịch vụ	0	0	165,46	94,50	9,62	5,50	175,08	100

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra, 2013

Bảng 3. Thu nhập và cơ cấu thu nhập từ sản xuất nông nghiệp (tính bình quân 1 hộ)

Chỉ tiêu	Hộ nông nghiệp		Hộ kiêm	
	Giá trị (triệu đồng)	Cơ cấu (%)	Giá trị (triệu đồng)	Cơ cấu (%)
Tổng thu từ sản xuất nông nghiệp	14,83	100,00	9,04	100,00
-Thu từ trồng lúa	4,21	28,38	2,12	23,45
-Thu từ trồng hoa màu, cây giống	7,52	50,70	2,50	27,65
-Thu từ chăn nuôi	3,10	20,92	4,42	48,90

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra, 2013

Đối với các hộ mà sinh kế chủ yếu dựa vào nông nghiệp, thu nhập từ trồng cây giống chiếm tỷ lệ lớn nhất (7,52 triệu đồng/hộ/năm chiếm 50,72%), thu từ chăn nuôi chiếm tỷ lệ thấp nhất (3,1 triệu đồng/hộ/năm chiếm 20,90%). Đối với các hộ kiêm, xu hướng hoàn toàn trái ngược, thu nhập từ chăn nuôi là chủ yếu (4,42 triệu đồng/hộ/năm chiếm 48,93%), thu nhập từ trồng trọt (chủ yếu từ lúa) là thấp nhất (2,2 triệu đồng, chiếm 23,45%).

Bình quân đóng góp thu nhập từ sản xuất nông nghiệp đối với các hộ có sinh kế dựa vào nông nghiệp là 14,83 triệu đồng/năm, đối với các hộ kiêm là 9,04 triệu đồng/năm. Nhóm hộ thương mại - dịch vụ không có thu nhập từ nông nghiệp do họ đã chuyển toàn bộ vốn và lao động sang kinh doanh dịch vụ. Tuy nhiên, phần lớn nhóm hộ này vẫn giữ đất nông nghiệp thông qua hình thức cho thuê hoặc cho mượn trong khoảng thời gian nhất định. Lý do các hộ này giữ đất nông nghiệp trong khi không sản xuất nữa sẽ được làm rõ hơn ở các phần sau.

3.2.2. Bảo đảm an ninh lương thực - an toàn thực phẩm

Mặc dù nông nghiệp chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng thu nhập bằng tiền của hộ, song nó đóng vai trò quan trọng trong cung cấp lương thực - thực phẩm nuôi sống các thành viên của hộ (Seeth et al. 1998). Bên cạnh bảo đảm về số lượng, chất lượng lương thực - thực phẩm do các hộ tự sản xuất cũng được bảo đảm hơn.

Tại thị trấn Trâu Quỳ, nhóm hộ có chiến lược sinh kế dựa vào nông nghiệp và nhóm hộ kiêm có khả năng tự đáp ứng cao về nhu cầu lương thực - thực phẩm của hộ. Cả 2 nhóm hộ này đều tự đáp ứng được 100% nhu cầu tiêu dùng gạo, từ gần 70 đến 80% nhu cầu tiêu dùng rau và trên 30% nhu cầu tiêu dùng thịt các loại (Bảng 4).

Nhóm hộ dịch vụ không tự sản xuất lương thực, họ chỉ có thể tự bảo đảm được 15,32% nhu cầu về rau, 10,66% nhu cầu về thịt và 7,81% nhu cầu về trứng. Nguyên nhân do một số hộ thuộc nhóm dịch vụ tự sản xuất rau xanh bằng cách trồng rau trong các thùng xốp trên sân thượng nhà mình ở, trồng rau trong các chậu cảnh hay tận dụng một số diện tích đất trống quanh nhà (có khi là đất thổ cư đã chuyển

Bảng 4. Khả năng tự cung - tự cấp lương thực - thực phẩm của hộ (DVT:%)

Loại sản phẩm	Hộ nông nghiệp	Hộ kiêm	Hộ dịch vụ
Gạo	100,00	100,00	0,00
Rau màu	80,05	68,30	10,32
Thịt	33,14	30,07	7,81
Trứng	55,62	35,80	5,23
Cá	25,80	12,75	0,00

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra, 2013

nhượng quyền sở hữu cho người khác) để nuôi gà đẻ trứng hay gà thịt.

Bên cạnh việc đáp ứng số lượng lương thực - thực phẩm cho tiêu dùng của hộ, kết quả nghiên cứu cho thấy nhiều hộ duy trì sản xuất nông nghiệp vì lý do chất lượng sản phẩm trong bối cảnh ngộ độc thực phẩm đang trở thành vấn đề báo động ở Việt Nam nói chung và ở Hà Nội nói riêng. Nhiều hộ khi được phỏng vấn còn cho rằng họ gần như đã mất lòng tin với những loại lương thực - thực phẩm mua ở chợ.

“Ngay cả cùng một giống lúa thì gạo mua ở chợ bao giờ cũng không ngon bằng gạo do chúng tôi tự cấy. Những người kinh doanh gạo ở chợ hình như cố tình làm cho gạo có độ ẩm cao hơn, vì thế cơm nấu lên ăn không thơm nữa. Hàng vụ, tôi đều mua thóc giống của hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp để cấy. Tôi không nhớ cụ thể từng tên giống nhưng thực tế những loại gạo gia đình tôi tự cấy ăn thường thơm và dẻo hơn so với gạo đi mua. Nhà tôi cũng dành một phần diện tích để cấy lúa nếp phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng vào những dịp lễ, Tết” (bà Nguyễn Thị D. Thôn Đào Nguyên, Trâu Quỳ, Phỏng vấn tháng 3/2013).

Phần lớn các hộ dân ở thị trấn khi được phỏng vấn cho rằng họ quyết định trồng rau phục vụ tiêu dùng của gia đình để bảo đảm an toàn thực phẩm:

“Tôi tự trồng rau để ăn. Tôi không bao giờ sử dụng phân bón hóa học hoặc thuốc trừ sâu để tránh ngộ độc. Vì xung quanh hàng xóm đã có rất nhiều người bị ngộ độc do ăn rau nên tôi bàn với chồng tự trồng rau cho gia đình mặc dù

chúng tôi không có đất. Trong trường hợp rau tự trồng không đủ ăn, tôi mới phải đi mua.” (bà Nguyễn Thị L. Thôn Kiên Thành, Trâu Quỳ, Phỏng vấn tháng 4 năm 2013).

Nhìn chung, các nhóm hộ chỉ có thể tự chủ được phần nào thực phẩm của gia đình. Tuy nhiên, các hộ có tham gia sản xuất nông nghiệp đều tự bảo đảm tự cung tự cấp được lương thực. Các hộ kinh doanh dịch vụ phải dành thu nhập từ các hoạt động sản xuất kinh doanh khác để mua lương thực, thực phẩm thay cho việc phải tự mình làm ra, đây có thể coi như chi phí cơ hội của việc sản xuất nông nghiệp so với các hoạt động kinh tế khác.

3.2.3. Tạo việc làm cho lao động gia đình

Số liệu ở bảng 5 cho thấy ngành nghề của người lao động trong các nhóm hộ có sự thay đổi đáng kể từ khi Trâu Quỳ chuyển từ xã thành thị trấn. Xu hướng chuyển dịch lao động ở đây là tăng tỷ trọng lao động làm việc trong lĩnh vực ngành nghề, dịch vụ, công nhân công nghiệp và viên chức trong các cơ quan nhà nước. Những lao động có khả năng chuyển đổi nghề nghiệp này là những người có trình độ học vấn, trình độ chuyên môn và tay nghề đáp ứng được đòi hỏi của thị trường lao động, trong khi đó những lao động không có tay nghề và người đứng tuổi hoặc là bắt buộc hoặc là tự nguyện tiếp tục sản xuất nông nghiệp. Nghiên cứu cũng cho thấy mặc dù số lao động làm nông nghiệp thuần túy ở các nhóm hộ giảm nhiều song số lao động có tham gia sản xuất nông nghiệp vẫn chiếm tỷ lệ khá lớn. Nguyên nhân do những lao động này làm công

Bảng 5. Biến đổi ngành nghề của lao động trong các hộ điều tra (ĐVT:%)

Chỉ tiêu	Năm 2005			Năm 2012		
	Hộ NN	Hộ kiêm	Hộ DV	Hộ NN	Hộ kiêm	Hộ DV
1. Số lao động thuần nông	85,77	70,56	0	71,25	45,54	0
2. Số lao động tham gia sản xuất nông nghiệp	78,24	60,15	0	55,36	37,88	0
3. Lao động làm việc trong cơ quan nhà nước	7,69	12,21	11,84	11,91	12,01	13,88
4. Lao động làm kinh doanh dịch vụ	0	10,56	68,39	5,27	20,68	80,32
5. Lao động sản xuất ngành nghề	4,24	4,54	14,70	5,49	12,41	4,47
6. Lao động khác	2,30	2,13	5,07	6,08	9,36	1,33

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra, 2013

nhân, nhà kinh doanh hay viên chức nhà nước nhưng vẫn tham gia công việc sản xuất nông nghiệp của gia đình trong những lúc thời vụ căng thẳng hoặc ngoài giờ làm việc hành chính. Điều đó cho thấy nông nghiệp không chỉ đóng vai trò tạo việc làm cho những lao động gia đình không thể chuyển đổi nghề nghiệp mà còn góp phần khai thác và sử dụng có hiệu quả lực lượng lao động đã chuyển đổi.

3.3. Vai trò xã hội của nông nghiệp

Vai trò xã hội của nông nghiệp trong nghiên cứu này được phân tích dựa trên quan điểm của chính những hộ dân còn duy trì sản xuất cũng như giữ đất nông nghiệp về: (i) giá trị cũng như ý nghĩa của đất nông nghiệp trong đời sống của họ; (ii) ý nghĩa của nông nghiệp trong chiến lược sinh kế của người dân vùng ven đô, (iii) ý nghĩa của nông nghiệp trong đời sống văn hóa cộng đồng.

3.3.1. Sản xuất nông nghiệp vì mục tiêu duy trì quyền tài sản đối với đất

Câu hỏi đặt ra là lý do nào khiến người nông dân vẫn tiếp tục sản xuất nông nghiệp trong điều kiện đô thị hóa đang diễn ra với tốc độ nhanh và cơ hội tìm kiếm việc làm cũng như thu nhập từ lĩnh vực phi nông nghiệp khá dễ dàng như ở thị trấn Trâu Quỳ? Kết quả từ những cuộc phỏng vấn sâu và ghi chép câu chuyện tình huống cho thấy quyền tài sản đối với đất là lý do khiến cho nhiều hộ dân quyết định duy trì sản xuất nông nghiệp.

Theo Luật đất đai, đất đai nói chung và đất nông nghiệp nói riêng thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước thống nhất quản lý. Hộ gia đình được giao đất có quyền sử dụng lâu dài, quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, thừa kế, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, cho thuê lại,... và được đền bù khi Nhà nước thu hồi đất phục vụ cho các mục đích khác. Vì vậy, ngay cả khi không muốn, nhiều hộ vẫn tiếp tục sản xuất nông nghiệp nhằm giữ đất chờ đợi cơ hội chuyển đổi hoặc hy vọng được đền bù khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp để sử dụng vào mục đích khác, đặc biệt là trong điều kiện giá đất cao như ở Trâu Quỳ hiện nay.

Mặc dù vậy, quan điểm của người dân về vấn đề này rất khác nhau tùy thuộc vào lứa tuổi và điều kiện kinh tế của họ. Trong khi nhóm hộ có chiến lược sinh kế dựa vào nông nghiệp coi đất là tài sản sinh kế quan trọng, 2 nhóm hộ còn lại chỉ xem đất như một loại tài sản để dành.

Theo ông Hoàng Văn K. (63 tuổi, tổ dân phố Đào Nguyên), gia đình ông duy trì sản xuất nông nghiệp chỉ nhằm mục đích giữ đất vì theo ông nếu bỏ ruộng hoang thì rất có thể Nhà nước sẽ thu hồi mà không được đền bù gì cả. Theo tính toán của ông K. gia đình ông có 7 sào ruộng “...mỗi vụ giỏi lắm cũng chỉ được từ 1,2 đến 1,5 tạ thóc/sào, mỗi năm làm 2 vụ, một đủ để ăn và nuôi mấy con gà, vụ còn lại thì để bán. Với giá lúa là 700 ngàn đồng/tạ như hiện nay, giỏi lắm cũng được 6 triệu đồng. Sau khi trừ hết các loại chi phí và tiền thuê nhân công, tôi chỉ thu được khoảng hơn 1 triệu đồng/vụ (bằng tiền cho thuê 1 phòng trọ/tháng). Vậy thì tôi làm làm gì? Hai năm gần đây nhà tôi không làm ruộng nữa mà cho người ta mượn, chủ yếu là để giữ đất để sau này Nhà nước có thu hồi thì được đền bù thôi” (Phỏng vấn tháng 4, 2013).

3.3.2. Nông nghiệp trong bảo đảm an ninh sinh kế

Ngoài việc coi đất nông nghiệp là tài sản có thể bảo đảm cho cuộc sống lâu dài, nhiều hộ cho rằng sản xuất nông nghiệp chính là điều kiện để bảo đảm an ninh sinh kế. Vì lý do đó nên nhiều hộ kiếm có mức thu nhập khá cao từ các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp song vẫn duy trì sản xuất nông nghiệp vì sự lo ngại với những bấp bênh của chiến lược sinh kế hiện tại.

Nghiên cứu ở thị trấn Trâu Quỳ cho thấy cho thuê phòng trọ đang là một chiến lược sinh kế mang lại nguồn thu đáng kể cho các hộ dân. Tuy nhiên, nhiều người khi được phỏng vấn cho rằng thu nhập từ cho thuê phòng trọ của họ phụ thuộc rất lớn vào chiến lược đào tạo của trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội cũng như khả năng cung cấp chỗ ở cho sinh viên trong các ký túc xá của Trường.

“Hiện nay nhà tôi có 12 phòng trọ, do ở gần trường, gần chợ nên lúc nào cũng có sinh viên thuê. Tiền thuê trọ có thể bảo đảm cho gia đình

tôi cuộc sống thoải mái. Nhà tôi cũng có 3 sào ruộng, thu nhập từ trồng lúa cả năm cũng không bằng tiền thuê phòng trọ một tháng nhưng tôi vẫn khuyên vợ tôi cố gắng làm. Giả sử, bây giờ có thể sống bằng tiền cho thuê phòng trọ nhưng sau này trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội chuyển đi chỗ khác hoặc quy mô đào tạo giảm hoặc sinh viên chuyển hết vào ở trong ký túc xá của trường, lúc đó lấy gì ra mà sống” (ông Nguyễn Văn L. 47 tuổi, Đào Nguyên, Trâu Quỳ, phỏng vấn tháng 3/2013).

Đối với các hộ đang phát triển chiến lược sinh kế bằng các hoạt động thương mại - dịch vụ lại cho rằng kinh doanh là một ngành đầy rủi ro, đặc biệt trong điều kiện khủng hoảng kinh tế như hiện nay, nông nghiệp được xem như một chỗ dựa vững chắc của kinh tế gia đình. Có những hộ đã từng mở cửa hàng kinh doanh đồ gỗ mỹ nghệ, hàng tạp hóa hay vật liệu xây dựng, thu nhập từ các hoạt động này khá cao song họ vẫn duy trì sản xuất nông nghiệp hoặc giữ đất bằng cách cho người khác mượn. Một người dân khi được hỏi lý do đã cho rằng *“làm ăn kinh doanh cũng có thời, khi được khi mất, giữ ruộng để khi gặp rủi ro còn mảnh ruộng mà bám vào”* (bà Lương Thị T. 53 tuổi, Kiên Thành, Trâu Quỳ, phỏng vấn tháng 4/2013).

Đối với những gia đình cả 2 lao động chính (vợ và chồng) đã từng từ bỏ đồng ruộng để vào làm công nhân trong các nhà máy công nghiệp quanh khu vực, nông nghiệp thực sự là một “cứu cánh” trong bối cảnh suy thoái kinh tế. Một công nhân bị mất việc làm do công ty bị phá sản trong 2 năm gần đây tâm sự:

“Nhà anh trước đây có 7 sào ruộng, khi xây dựng khu công nghiệp người ta lấy mất 4 sào và đền bù tiền. Gia đình nhờ đó mà cũng có thêm điều kiện để xây nhà và mua sắm vật dụng linh tinh. Hai vợ chồng anh xin vào làm công nhân trong khu công nghiệp. Anh cứ nghĩ rằng sau này sẽ bán nốt ruộng đi vì tiền lương công nhân cũng đủ sống. Nhưng 2 năm gần đây, kinh tế khó khăn công ty làm ăn thua lỗ, phá sản thế là mình lại rơi vào cảnh thất nghiệp. May mà còn 3 sào ruộng từ thời xưa ở cánh đồng xa người ta không lấy nên giờ mới có cái để bảo đảm lương

thực chứ không giờ 2 vợ chồng cùng thất nghiệp thì nguy” (Anh Vũ Văn M. 38 tuổi, Kiên Thành, Trâu Quỳ, phỏng vấn tháng 4/2013).

Tóm lại, sinh kế của người dân ở thị trấn Trâu Quỳ trong những năm gần đây đã trở nên đa dạng, có xu hướng phụ thuộc nhiều hơn vào các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp. Mặc dù vậy, nông nghiệp vẫn được các hộ dân ở đây coi là chiến lược sinh kế vững chắc, là điểm tựa quan trọng cho các chiến lược khác, nhất là trong bối cảnh suy thoái kinh tế.

3.3.3. Nông nghiệp - nền tảng trong duy trì mối quan hệ cộng đồng

Trong nghiên cứu này, vai trò văn hóa-xã hội của nông nghiệp được nhìn nhận trên khía cạnh lưu giữ các mối quan hệ cộng đồng mang tính chất truyền thống - những mối quan hệ đã từng tồn tại trong một xã hội nông nghiệp khi “làng” chưa thành “phố”.

Trước đây, khi người dân ở thị trấn Trâu Quỳ còn sống dựa vào nông nghiệp, hầu hết mọi người đều trực tiếp tham gia sản xuất, mối quan hệ gắn bó giữa người với người trong cộng đồng bền chặt hơn, làng trên xóm dưới mọi người đều quen biết nhau, có thể cùng hợp tác, vừa làm việc vừa chia sẻ với nhau những kinh nghiệm trong sản xuất và đời sống. Ngày nay, tuy số lượng hộ còn duy trì sản xuất nông nghiệp không phải là nhỏ song phần lớn các khâu công việc được thực hiện bởi lao động di thuê-những người đến từ huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh và một số địa phương lân cận, vì thế số lao động địa phương trực tiếp làm ruộng không còn nhiều. Một cụ bà khi được phỏng vấn đã nhớ lại:

“Trước đây, khi tất cả các hộ trong làng còn làm ruộng vui lắm, nhất là ngày mùa, các hộ đổi công làm giúp lẫn nhau. Hết thời vụ vất vả, mọi người tập trung nhau lại tổ chức ăn liên hoan, thế nên mọi người gần gũi và gắn bó với nhau hơn. Hiện nay, số hộ làm ruộng ít hơn, thiếu lao động thì tự đi thuê bên ngoài, nhà nào biết nhà ấy, có ai nhờ vả lẫn nhau nữa đâu. Bây giờ, quan hệ gì cũng bằng tiền hết.” (bà Nguyễn Thị Ch. 60 tuổi, Đào Nguyên, Trâu Quỳ, phỏng vấn tháng 3/2013).

Có thể nói, đô thị hóa và sự thu hẹp của sản xuất nông nghiệp không chỉ khiến cho vai trò kinh tế của nông nghiệp bị giảm sút mà còn làm cho các mối liên kết xã hội trong cộng đồng trở nên lỏng lẻo hơn. Từ sự suy giảm của mối quan hệ tương trợ giúp đỡ lẫn nhau trong sản xuất (phổ biến là hình thức đổi công) dẫn đến sự suy giảm của sự tương trợ, chia sẻ với nhau trong đời sống. Tuy nhiên, nhiều hộ gia đình ở thị trấn Trâu Quỳ vẫn cố gắng truyền cho con em mình tinh thần chịu khó, cần cù trong lao động thông qua thu hút họ tham gia trực tiếp vào các hoạt động sản xuất nông nghiệp.

4. KẾT LUẬN

“Đô thị hóa là một quá trình tất yếu, không thể không xảy ra, dù muốn hay không muốn tương lai của thế giới vẫn nằm ở các thành phố”. Đó là kết luận của Hội nghị thượng đỉnh thế giới về đô thị do Liên Hợp Quốc tổ chức tại Istanbul, Thổ Nhĩ Kỳ (Võ Hữu Hòa, 2011). Thực tế trong những năm gần đây, đô thị hóa diễn ra ở Việt Nam nói chung và Hà Nội nói riêng với quy mô ngày càng lớn và tốc độ ngày càng nhanh. Điều đó đã khiến cho đất nông nghiệp bị thu hẹp, gây ảnh hưởng vừa tích cực vừa tiêu cực đến việc làm và sinh kế của người nông dân ven đô. Tuy nhiên, những ảnh hưởng tiêu cực thường được các nhà hoạch định chính sách cũng như các nhà nghiên cứu đề cập tới nhiều hơn. Nghiên cứu ở thị trấn Trâu Quỳ cho thấy nông nghiệp vẫn đóng vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế cũng như xã hội của các hộ dân. Việc tìm ra giải pháp phù hợp cho duy trì và phát triển nông nghiệp ven đô sẽ phần nào khắc phục được những tác động tiêu cực của đô thị hóa. Nếu đem so sánh với các ngành nghề khác, thu nhập bằng tiền từ sản xuất nông nghiệp đối với hộ giảm đi một cách tương đối, nhưng sản xuất nông nghiệp vẫn có những vai trò quan trọng trong bảo đảm an ninh lương thực và an toàn vệ sinh thực phẩm. Bên cạnh đó, nông nghiệp còn tạo việc làm cho lao động nông thôn không chỉ lao động tại chỗ mà còn cả lao động đến từ các địa phương khác trong khu vực, đặc biệt là những người không có điều kiện để chuyển đổi

nghề nghiệp như không có vốn, trình độ chuyên môn và tay nghề thấp, người đã quá tuổi tuyển dụng vào các nhà máy công nghiệp và phụ nữ. Hơn nữa, đất nông nghiệp được các hộ coi như một loại tài sản bảo đảm cho cuộc sống lâu dài nên việc giữ đất nông nghiệp để được đền bù sau khi chuyển đổi mục đích sử dụng đất, hoặc giữ đất kế thừa lại cho con cháu được các hộ khá coi trọng. Ngoài những đóng góp về kinh tế, nông nghiệp còn giúp bảo đảm an ninh sinh kế trong điều kiện các chiến lược phi nông nghiệp gặp phải rủi ro do biến động thị trường hoặc suy thoái kinh tế. Về khía cạnh văn hóa, nông nghiệp còn giúp giữ gìn các mối quan hệ cộng đồng truyền thống đồng thời rèn luyện cho con người đức tính cần cù chịu khó.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Elson, R.E. (1997). *The End of the Peasantry in Southeast Asia: A Social and Economic History of Peasant Livelihood, 1800 - 1990s*. New York: St. Martin's Press.
- Võ Hữu Hòa (2011). Phát triển nông nghiệp đô thị: Hướng đi bền vững cho các đô thị trong tiến trình đô thị hoá.
http://www.agroviet.gov.vn/Pages/news_detail.aspx?NewsId=16574&Page=23/6/2011.
- Phạm Sỹ Liêm. (2009). Nông nghiệp đô thị trong quy hoạch thành phố Hà Nội. Bài trình bày tại Hội thảo “Hà Nội: thành phố thân thiện và sống tốt cho cộng đồng”. 1 -2/7/2009.
- Nugent, R. (2000). “The Impact of Urban Agriculture on the Household and Local Economies”, in N.Baker, M.Dubbeling, S.Grundel, U.Sabel-Koschella and H.de Zeeuw (eds) *Growing Cities, Growing Food*. DSA: Eurasburg, pp. 67-97.
- Rigg, Jonathan (2001). *More than the Soil: Rural Change in Southeast Asian*. Singapore: Prentice-Hall.
- Rigg, Jonathan (2002). *Land and Livelihoods in Southeast Asia: Breaking the bond?*, in Hiromitsu Umehara (ed) *Agrarian Transformation and Areal Differentiation*. Rikkyo: Rikkyo University Center for Asian Area Studies, pp. 385-406.
- Rigg, Jonathan (2005). “Poverty and Livelihoods after Full-Time Farming: A South-East Asian View”, *Asia Pacific Viewpoint* 46(2):173-184.
- Seeth H, Chachnov S, Surinov A & von Braun J. (1998). “Russian Poverty: Muddling through Economic Transition with Garden Plots”, *World Development* 26(9).